SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 9
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : GDKTPL

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000001	Nguyễn Trường	An	23/01/2010	Nam	11/3	
2	60000004	Nguyễn Hoài	Anh	29/01/2010	Nữ	11/5	
3	60000007	Trần Thế	Bảo	09/10/2010	Nam	11/5	
4	60000009	Trần Hữu	Bình	29/06/2010	Nam	11/3	
5	60000012	Phạm Hoàng	Châu	03/11/2010	Nữ	11/3	
6	60000013	Phạm Ngọc	Châu	29/06/2010	Nam	11/4	
7	60000014	Phạm Ngọc Quỳnh	Châu	08/07/2010	Nữ	11/3	
8	60000018	Nguyễn Tấn	Chường	08/01/2010	Nam	11/3	
9	60000020	Huỳnh Quốc	Cường	08/04/2010	Nam	11/5	
10	60000022	Hồ Văn	Diện	05/12/2010	Nam	11/4	
11	60000023	Nguyễn Thị Bích	Diệp	07/11/2010	Nữ	11/3	
12	60000025	Hồ Tôn Hoàng	Dung	02/02/2010	Nữ	11/4	
13	60000027	Đặng Tấn	Duy	14/06/2010	Nam	11/5	
14	60000028	Bùi Trần Kiều	Duyên	15/08/2010	Nữ	11/4	
15	60000029	Huỳnh Thị Ánh	Dương	29/10/2010	Nữ	11/3	
16	60000030	Huỳnh Hoàng Tiến	Đạt	14/07/2010	Nam	11/4	
17	60000031	Lê Quốc	Đạt	12/07/2010	Nam	11/4	
18	60000033	Phan Thành	Đạt	30/11/2010	Nam	11/5	
19	60000034	Võ Hồng	Đạt	19/07/2010	Nam	11/5	
20	60000036	Đoàn Nguyễn Khánh	Đoan	24/07/2010	Nữ	11/3	
21	60000037	Hồ Ngọc	Hải	04/01/2010	Nam	11/4	

Danh sách này có 21 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 10
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : GDKTPL

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000039	Dương Thị Minh	Hằng	17/05/2010	Nữ	11/3	
2	60000041	Đinh Thị Khánh	Hân	10/10/2010	Nữ	11/5	
3	60000044	Nguyễn Thành	Hậu	11/10/2010	Nam	11/4	
4	60000045	Lê Thị Bích	Hiền	09/11/2010	Nữ	11/3	
5	60000046	Huỳnh Trịnh Ngọc	Hiếu	28/09/2010	Nữ	11/3	
6	60000047	Phan Minh	Hiếu	02/09/2010	Nam	11/5	
7	60000049	Lê Huy	Hoàng	02/10/2010	Nam	11/5	
8	60000050	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	25/04/2010	Nữ	11/3	
9	60000051	Hoàng Tuấn	Hùng	28/08/2010	Nam	11/5	
10	60000054	Phạm Hồng	Huy	22/03/2010	Nam	11/5	
11	60000055	Hồ Ngọc	Huyền	11/07/2010	Nữ	11/5	
12	60000059	Phạm Đăng	Khánh	07/01/2010	Nam	11/5	
13	60000060	Võ Quốc	Khánh	01/11/2010	Nam	11/5	
14	60000061	Huỳnh Tuấn	Khiêm	10/10/2010	Nam	11/4	
15	60000063	Nguyễn Hùng	Khoa	10/05/2010	Nam	11/5	
16	60000065	Phan Lê Anh	Kiệt	05/05/2010	Nam	11/4	
17	60000066	Đoàn Quốc	Kỳ	10/09/2010	Nam	11/3	
18	60000070	Nguyễn Thanh	Liêu	04/05/2010	Nam	11/4	
19	60000071	Đào Ngọc Nhật	Linh	25/01/2010	Nữ	11/5	
20	60000074	Trương Nguyễn Bảo	Linh	18/05/2010	Nữ	11/4	
21	60000075	Nguyễn Thị Kim	Long	02/12/2010	Nữ	11/4	
22	60000076	Nguyễn Đắc	Lộc	20/12/2010	Nam	11/4	

Danh sách này có 22 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 11
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : GDKTPL

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000077	Võ Thế	Lữ	08/08/2010	Nam	11/3	
2	60000080	Nguyễn Văn	Minh	01/01/2010	Nam	11/5	
3	60000081	Phạm Anh	Minh	09/10/2010	Nam	11/3	
4	60000083	Phạm Hoàng Nhật	My	12/09/2010	Nữ	11/3	
5	60000086	Nguyễn Đỗ Thảo	Ngân	21/01/2010	Nữ	11/3	
6	60000088	Phạm Ngọc	Ngân	02/11/2010	Nam	11/5	
7	60000089	Phạm Tàu Gia	Nghĩa	26/07/2010	Nam	11/3	
8	60000090	Cao Bảo	Ngọc	01/01/2010	Nữ	11/4	
9	60000091	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	13/11/2010	Nữ	11/4	
10	60000096	Hồ Thị Ánh	Nguyệt	15/05/2010	Nữ	11/5	
11	60000097	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	28/03/2010	Nữ	11/4	
12	60000098	Võ Thành	Nhân	28/04/2010	Nam	11/5	
13	60000101	Nguyễn Hạnh	Nhi	06/10/2010	Nữ	11/4	
14	60000103	Phạm Hoàng Yến	Nhi	01/04/2010	Nữ	11/4	
15	60000104	Trần Thị Yến	Nhi	12/03/2010	Nữ	11/5	
16	60000106	Trương Thị Ý	Nhi	01/01/2010	Nữ	11/5	
17	60000107	Đoàn Thị Tuyết	Nhung	20/09/2010	Nữ	11/3	
18	60000109	Huỳnh Nguyên Thảo	Như	15/01/2010	Nữ	11/4	
19	60000110	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	24/01/2010	Nữ	11/5	
20	60000111	Nguyễn Lê Bảo	Như	19/04/2010	Nữ	11/5	
21	60000112	Trần Thị Yến	Như	12/03/2010	Nữ	11/5	
22	60000113	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21/12/2010	Nữ	11/4	

Danh sách này có 22 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 12
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : GDKTPL

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000114	Võ Nguyên	Pháp	28/08/2010	Nam	11/3	
2	60000116	Nguyễn Thành	Phúc	11/10/2010	Nam	11/3	
3	60000117	Võ Công	Phúc	04/05/2010	Nam	11/4	
4	60000118	Nguyễn Phan Diệu	Phương	23/03/2010	Nữ	11/3	
5	60000120	Nguyễn Hào	Quang	27/03/2010	Nam	11/4	
6	60000121	Võ Tấn	Quang	03/09/2010	Nam	11/3	
7	60000122	Nguyễn Ngọc	Quân	09/06/2010	Nam	11/5	
8	60000124	Đoàn Văn	Quốc	04/12/2010	Nam	11/3	
9	60000125	Trương Ngọc	Quý	03/01/2010	Nam	11/4	
10	60000127	Đỗ Huỳnh Thanh	Sơn	05/04/2010	Nam	11/3	
11	60000128	Y Khôi Pang	Sư	29/07/2010	Nam	11/3	
12	60000130	Đinh Thị Xuân	Thanh	21/10/2010	Nữ	11/5	
13	60000132	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	04/02/2010	Nữ	11/3	
14	60000135	Đỗ Ngọc	Thiện	11/02/2010	Nam	11/5	
15	60000136	Nguyễn Bá	Thiện	20/10/2010	Nam	11/5	
16	60000137	Nguyễn Thị Bích	Thuận	27/10/2010	Nữ	11/4	
17	60000138	Nguyễn Thị	Thùy	18/09/2010	Nữ	11/5	
18	60000139	Phạm Thị Thu	Thủy	02/11/2010	Nữ	11/5	
19	60000141	Lê Thùy Anh	Thư	13/02/2010	Nữ	11/4	
20	60000142	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	10/03/2010	Nữ	11/5	
21	60000150	Phạm Quốc	Tĩnh	10/05/2010	Nam	11/3	
22	60000151	Trương Quốc	Toàn	19/01/2010	Nam	11/5	

Danh sách này có 22 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 13
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : GDKTPL

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000152	Đinh Phạm Linh	Trang	02/08/2010	Nữ	11/5	
2	60000154	Đoàn Bích	Trâm	17/05/2010	Nữ	11/4	
3	60000155	Đoàn Thị Bảo	Trâm	07/03/2010	Nữ	11/3	
4	60000156	Hồ Thị Thanh	Trâm	01/05/2010	Nữ	11/3	
5	60000157	Nguyễn Thị Bích	Trâm	07/05/2010	Nữ	11/3	
6	60000159	Huỳnh Thị Nhã	Trân	10/01/2010	Nữ	11/4	
7	60000161	Nguyễn Ngọc	Triều	05/11/2010	Nam	11/3	
8	60000163	Hồ Thị Thanh	Trúc	22/10/2010	Nữ	11/5	
9	60000164	Phạm Thị	Trúc	10/12/2010	Nữ	11/5	
10	60000165	Trần Lê Thiên	Trúc	24/02/2010	Nữ	11/3	
11	60000171	Lê Anh	Tuấn	02/03/2010	Nam	11/5	
12	60000172	Võ Nguyễn Minh	Tuấn	23/03/2010	Nam	11/5	
13	60000174	Huỳnh Thị Thu	Uyên	13/06/2010	Nữ	11/4	
14	60000176	Trương Nguyễn Thúy	Uyên	05/04/2010	Nữ	11/4	
15	60000177	Nguyễn Trịnh Công	Văn	28/09/2010	Nam	11/4	
16	60000178	Trương Thị Hồng	Vân	24/03/2010	Nữ	11/4	
17	60000179	Huỳnh Ngô Tường	Vi	11/08/2010	Nữ	11/3	
18	60000182	Đỗ Ngọc Anh	Việt	23/06/2010	Nam	11/5	
19	60000184	Võ Anh	Vũ	29/05/2010	Nam	11/4	
20	60000186	Huỳnh Bảo Tường	Vy	05/05/2010	Nữ	11/3	
21	60000190	Phan Huỳnh Ngọc Như	Ý	03/08/2010	Nữ	11/4	
22	60000191	Đinh Thị Thúy	Yên	27/05/2010	Nữ	11/3	

Danh sách này có 22 thí sinh./.